

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2022/HS-ST**
Ngày 17 - 06 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

AM, sinh ngày 09/3/1985 tại An Phú, An Giang; ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Chăm; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Hồi; con ông Sa L, sinh năm 1955 (chết) và bà Ro M, sinh năm 1955 (chết); chị em ruột có 6 người, bị cáo là người thứ ba; có chồng tên Y Sa, sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 24/12/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bà Thị Bi T, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. Bà Sa Ly T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người Phiên dịch:*

Ông Su Ka Ri, sinh năm 1977; Công Tác tại Ban Dân tộc tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, người phiên dịch ông Sa Ka Ri có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 29/11/2021, RM sử dụng số điện thoại 0975845221 gọi vào số điện thoại 0394252117 của AM kêu đưa Thị C, Thị Bi T, 01 người thanh niên và 01 đứa trẻ (không rõ lai lịch) sang Campuchia, sẽ trả tiền công là 3.000.000 đồng, AM đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Lưu Ngọc Đ (con rể của T) chở Thị Bi T, Sa Lê chở Thị C đến xóm người Chăm ở ấp Bình Di, xã Khánh Bình. Khoảng 23 giờ cùng ngày, AM dẫn 04 người khách xuống võ lầy để đưa sang sông xuất cảnh trái phép sang Campuchia giao cho RM thì bị bắt quả tang. Riêng người thanh niên lợi dụng đêm tối đã bế đứa trẻ trốn thoát.

Ngày 23/12/2021, AM bị khởi tố, điều tra.

Cáo trạng số: 22/CT-VKSAG-P1, ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo AM về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo AM thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Mục đích AM tổ chức đưa người xuất cảnh sang Campuchia là vì lợi ích vật chất. Bị cáo chưa nhận được tiền thì bị bắt.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo AM về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân bị cáo, đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo AM từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng Tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung;

Đề nghị áp dụng các điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án.

Bị cáo AM không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, hứa khắc phục sửa chữa. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thị C, Thị Bi T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Lời khai của những người này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không trở ngại việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai của bị cáo AM tại phiên tòa phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang ngày 23/12/2021 của Công an huyện An Phú; Biên bản kiểm tra, trích xuất dữ liệu điện thoại; Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 23/12/2021, AM có hành vi sử dụng vũ lực của bà Sa Ly T1 đưa Thị C, Thị Bi T, một thanh niên và một trẻ em từ Việt Nam sang Campuchia thì bị bắt quả tang. Bị cáo AM là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đưa người xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của AM đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình. Xét thấy truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo AM theo Cáo trạng số 22/CT-VKSAG-P1 ngày 18 tháng 4 năm 2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh nói riêng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19.

[2.3] Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do không có việc làm và hám lợi, ý thức chấp hành pháp luật kém. Là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh trái phép bỏ ít công sức nhưng thu được nhiều tiền, nên khi RM liên hệ thì bị cáo nhận lời và thực hiện hành vi phạm tội. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là vì lợi ích vật chất, không vì lợi ích khác.

[2.4] Bên cạnh hành vi phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” của bị cáo AM còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh trái phép, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất, nhập cảnh; gây oan mang, bức xúc trong nhân dân. Trong tình hình dịch Covid-19 còn đang diễn biến phức tạp, mọi người dân đang ra sức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới; các lực lượng thường xuyên tuần tra, kiểm tra, nhằm kiểm soát chặt tình hình qua, lại biên giới, ngăn ngừa dịch bệnh lây lan, đảm bảo an toàn cho cộng đồng thì bị cáo lại có hành vi đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; đi ngược lại với lợi ích chung của cộng đồng. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu; bị cáo là người dân tộc thiểu số, là lao động chính, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trong tình hình Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, thì hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn công cộng. Ngoài lần thực hiện hành vi bị bắt quả tang, trước đó bị cáo cũng đã 2 lần định tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép nhưng do bị phát hiện nên không thực hiện được. Từ đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là rất kém, cần xử lý nghiêm.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt tù, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là người dân tộc thiểu số, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với Thị C, Thị Bi T có hành vi “xuất cảnh trái phép”, chưa có tiền án, tiền sự, nên Công an huyện An Phú xử phạt hành chính là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với người thanh niên đã bế đưa trẻ bỏ trốn cũng đã có hành vi xuất cảnh trái phép, là vi phạm pháp luật. Kiến nghị Cơ quan Điều tra cần tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

- Đối với đối tượng RM theo lời khai của bị cáo AM là người đã liên hệ với bị cáo tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật. Kiến nghị Cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6.1] Về biện pháp tư pháp: Do bị cáo AM chưa nhận được tiền nên không buộc bị cáo phải nộp lại.

[6.2] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ còn lại trong vụ án, gồm: 01 vỏ lãi, 03 điện thoại di động, 01 cây dầm, 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, tiền Việt Nam 860.000 đồng, được xử lý như sau:

- Chiếc vỏ lãi composit và cây dầm là của bà Sa Ly T1, việc AM sử dụng làm phương tiện đưa người khác xuất cảnh trái phép sang Campuchia bà Sa Ly T1 không biết, nên trả lại cho bà Sa Ly T1;

- Chứng minh nhân dân mang tên Thị Bi T là giấy tờ tùy thân của bà Thị Bi T, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bà Thị Bi T;

- Căn cước công dân mang tên AM là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bị cáo AM;

- Số tiền 860.000 đồng là của cá nhân bị cáo có được do mua bán tạp hóa, không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bị cáo;

- Điện thoại di động hiệu OPPO F9 và điện thoại di động hiệu OPPO A53 là tài sản cá nhân của bà Thị C, bà Thị Bi T không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bà Thị C, bà Thị Bi T;

- Điện thoại di động hiệu OPPO A12 có gắn sim số 0394252117 là của bị cáo sử dụng liên hệ tổ chức cho người khác xuất cảnh, đây là phương tiện, dụng cụ bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo AM phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo AM 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/12/2021 (*Ngày hai mươi bốn tháng mười hai năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên trả lại cho:

+ Bà Sa Ly T1 01 (một) vỏ lãi composit, màu xanh, dài 7,5, ngang 0,9m, nhãn hiệu CMC và 01 (một) cây dầm;

+ Bà Thị C 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F9 đã qua sử dụng kèm sim số 0928751429;

+ Bà Thị Bi T 01 (một) chứng minh nhân dân số 352 060 389, 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A53 kèm sim số 0867080138;

+ Bị cáo AM 01 căn cước công dân số 089 085 022 229 và số tiền 860.000 (*Tm trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

- Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh, số IMEI 1: 869540054846717, số IMEI 2: 896540054846709, có gắn sim số 0394252117 của bị cáo AM.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo AM phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo AM. Thời hạn kháng cáo của bị cáo AM là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2022). Thời hạn kháng cáo của bà Thị C, bà Thị Bi T là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam CA tỉnh (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (2);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người liên quan (3);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Sáu

